

Số: 792/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy
cho sinh viên các khóa xét tốt nghiệp tháng 11/2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-LTT-ĐT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2022 -2023;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp cho sinh viên các khóa năm học 2022 -2023 ngày 30 tháng 11 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy cho **555** sinh viên các khóa xét lại tốt nghiệp (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT (Thư 2b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
THÁNG 11/2023

*(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-LTT-ĐT ngày 30 tháng 11 năm 2023
 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
1	18000054	Phan Nguyễn Trường	An	Nam	11/03/1996	18T2-CNÔ1	6,73	x		Trung bình	
2	18005118	Trần Lê Thanh	Hải	Nam	05/12/2000	18T2-CNÔ1	6,46			Trung bình	
3	18002173	Phạm Duy	Khánh	Nam	15/07/2000	18T2-CNÔ1	6,75	x		Trung bình	
4	18001550	Nguyễn Hồng	Miên	Nam	30/01/2000	18T2-CNÔ1	7,13			Khá	
5	18001439	Huỳnh Quốc	Anh	Nam	05/01/2003	18T4-ANM1	6,29			Trung bình	
6	18003071	Ngô Gia	Hào	Nam	12/03/2003	18T4-CCK1	6,99	x		Trung bình	
7	18004728	Cao Việt	Khánh	Nam	01/08/2003	18T4-CCK1	7,45	x	B	Khá	
8	18000300	Trần Hoàng	Phúc	Nam	07/07/2003	18T4-CCK1	6,95	x		Trung bình	
9	18000260	Thái Kiến	Tạo	Nam	28/10/2003	18T4-CCK1	6,03	x	B	Trung bình	
10	18000119	Nguyễn Anh	Trọng	Nam	21/03/2002	18T4-CCK1	6,32	x		Trung bình	
11	18001541	Trần Trọng	Đại	Nam	22/02/2003	18T4-CMT1	6,28		TOEIC 300	Trung bình	
12	18001354	Nguyễn Vạn	Lợi	Nam	27/04/2003	18T4-CNM1	6,86	x		Trung bình	
13	18002008	Nguyễn Trần Tấn	Dương	Nam	19/10/2003	18T4-CNÔ1	6,66			Trung bình	
14	18000452	Phan Lê Minh	Đức	Nam	31/08/2003	18T4-CNÔ2	6,03	x	TOEIC 300	Trung bình	
15	18003547	Vũ Văn	Hải	Nam	21/10/2003	18T4-CNÔ2	6,16			Trung bình	
16	18000461	Phan Lê Minh	Phúc	Nam	31/08/2003	18T4-CNÔ2	6,15	x		Trung bình	
17	18001736	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	21/07/2003	18T4-CNÔ3	5,72			Trung bình	
18	18001247	Nguyễn Đức	Trí	Nam	14/11/2003	18T4-ĐCN1	7,23		A	Khá	
19	18000547	Nguyễn Bá	Tùng	Nam	18/08/2003	18T4-ĐĐT1	5,87	x	B	Trung bình	
20	18002542	Nguyễn Đặng Thế	Vinh	Nam	22/12/2003	18T4-LTM2	5,80		TOEIC 300	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
21	18001378	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	23/07/2003	18T4-QTD1	6,28	x		Trung bình	
22	18000621	Nguyễn	Tín	Nam	17/10/2003	18T4-THU1	5,58			Trung bình	
23	18001177	Lê	Nguyên	Nam	17/04/2003	18T4-TKĐ2	6,27		TOEIC 300	Trung bình	
24	18000250	Nguyễn Trần Quốc	Việt	Nam	02/06/2003	18T4-VSL1	6,29	x		Trung bình	
25	18002768	Trần Ngọc	Phú	Nam	15/10/2003	18T4-VSL2	6,98			Trung bình	
26	19005094	Trần Văn	Đức	Nam	04/08/2001	19T2-CNÔ1	6,85	x		Trung bình	
27	19004270	Nguyễn Đại	Việt	Nam	10/02/1999	19T2-QTM1	6,18			Trung bình	
28	19001268	Nguyễn Lê Kim	Khánh	Nữ	06/03/2004	19T4-ANM1	7,22			Khá	
29	19004338	Võ Văn	Nhật	Nam	20/12/2001	19T4-ANM1	6,95			Trung bình	
30	19001767	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	15/03/2004	19T4-CCK1	7,26	x	TOEIC 300	Khá	
31	19001607	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	25/06/2004	19T4-CCK1	6,89			Trung bình	
32	19001564	Phùng Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	08/04/2004	19T4-CCK1	6,21			Trung bình	
33	19001756	Vũ Công	Thành	Nam	28/07/2004	19T4-CCK1	7,04			Khá	
34	19004385	Lê Huỳnh	Đức	Nam	30/04/2004	19T4-CKC2	6,88			Trung bình	
35	19001424	Dương Duy	Khang	Nam	03/01/2004	19T4-CMT1	7,29		B	Khá	
36	19001586	Lâm Gia	Vinh	Nam	18/12/2003	19T4-CMT2	6,07			Trung bình	
37	19000905	Sú Huệ	Duyên	Nữ	13/02/2004	19T4-CNM1	6,51			Trung bình	
38	19000256	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	06/09/2004	19T4-CNM1	6,71	x		Trung bình	
39	19004166	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	01/06/2004	19T4-CNM1	6,78	x		Trung bình	
40	19000194	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	Nam	21/08/2003	19T4-CNÔ1	6,65			Trung bình	
41	19000693	Nguyễn Đức	Phát	Nam	24/06/2004	19T4-CNÔ4	6,41		B	Trung bình	
42	19001083	Nguyễn Thành	Duy	Nam	23/03/2004	19T4-CNÔ5	7,07			Khá	
43	19001203	Võ Minh	Thi	Nam	09/09/2004	19T4-CNÔ5	6,26			Trung bình	
44	19000913	Huỳnh Thái	Toàn	Nam	12/12/2004	19T4-CNÔ5	6,15	x		Trung bình	
45	19000068	Nguyễn Phương	Nam	Nam	22/09/2004	19T4-ĐCN1	6,29	x	TOEIC 300	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
46	19004562	Nguyễn Hùng	Dũng	Nam	01/06/2003	19T4-ĐCN2	6,37	x		Trung bình	
47	19001677	Nguyễn Hồng Nhật	Anh	Nam	09/09/2004	19T4-ĐĐT1	6,03		TOEIC 300	Trung bình	
48	19000331	Trương Tường	Phát	Nam	30/01/2004	19T4-ĐĐT2	6,11	x		Trung bình	
49	19001371	Trần Quốc	Anh	Nam	18/10/2004	19T4-KML1	6,70		TOEIC 350	Trung bình	
50	19004344	Từ Anh	Khoa	Nam	07/09/2004	19T4-KML1	6,77			Trung bình	
51	19001577	Vũ Minh	Nam	Nam	07/12/2004	19T4-KML1	7,14			Khá	
52	19000069	Phùng Minh	Nhật	Nam	22/09/2004	19T4-KML1	7,27		B	Khá	
53	19001698	Nguyễn Trọng	Tâm	Nam	07/04/2004	19T4-KML1	6,98	x	B	Trung bình	
54	19002000	Phạm Lâm Phan	Vũ	Nam	19/04/2004	19T4-KML1	7,36		B	Khá	
55	19000918	Phạm Sang Quốc	Hung	Nam	29/12/2000	19T4-KTD1	7,51			Khá	
56	19000149	Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	05/05/2003	19T4-KTD1	6,47			Trung bình	
57	19000680	Hoàng Thu	Thủy	Nữ	23/11/2004	19T4-KTD1	6,93	x		Trung bình	
58	19003694	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	20/09/2004	19T4-KTD2	6,87	x		Trung bình	
59	19000883	Trần Quốc	Bảo	Nam	28/11/2003	19T4-KXD1	5,83			Trung bình	
60	19002072	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	Nam	20/08/2004	19T4-LĐL1	7,05	x		Khá	
61	19001413	Nguyễn Thành	Phát	Nam	17/11/2004	19T4-LĐL1	6,98			Trung bình	
62	19000407	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	20/01/2004	19T4-LTM1	6,40		B	Trung bình	
63	19001481	Đào Quốc	Tiến	Nam	08/09/2004	19T4-LTM2	7,92		TOEIC 350	Khá	
64	19000708	Lê Văn	Duy	Nam	02/07/2004	19T4-NNA1	7,10			Khá	
65	19001927	Phạm Thiên	Bảo	Nam	02/10/2004	19T4-NNA3	6,67	x		Trung bình	
66	19003086	Phạm Lê Duy	Khôi	Nam	11/03/2004	19T4-NNA3	6,10		A	Trung bình	
67	19002680	Trần Nguyễn Kim	Nhung	Nữ	20/02/2004	19T4-NNA3	7,41	x		Khá	
68	19001649	Trần Gia	Thiên	Nam	25/07/2003	19T4-NNA3	7,80		x	Khá	
69	19001100	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	18/06/2004	19T4-QTM1	6,59			Trung bình	
70	19001430	Nguyễn Gia	Minh	Nam	11/02/2004	19T4-TCD1	6,55		A	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
71	19001066	Trần Hồng	Quân	Nam	01/02/2003	19T4-TCD1	6,77			Trung bình	
72	19000322	Trần Quốc	Việt	Nam	04/08/2004	19T4-TKĐ1	6,18			Trung bình	
73	19002238	Bùi Trung	Hiếu	Nam	27/01/2004	19T4-TMĐ1	6,49	x		Trung bình	
74	20004902	Trần Hữu	Phước	Nam	01/10/2002	20T2-ĐCN1	6,47	x	TOEIC 300	Trung bình	
75	20002211	Lê Thị Thảo	Anh	Nữ	05/03/2005	20T4-ANM1	8,26			Giỏi	
76	20003049	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	Nam	13/08/2005	20T4-ANM1	7,61			Khá	
77	20002191	Ngô Ngọc	Ánh	Nữ	30/03/2005	20T4-ANM1	6,07			Trung bình	
78	20000159	Trần Mạnh	Cường	Nam	01/05/2005	20T4-ANM1	5,92			Trung bình	
79	20004282	Vũ Nguyễn Minh	Duy	Nam	07/10/2005	20T4-ANM1	6,99		TOEIC 350	Trung bình	
80	20002688	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	02/11/2005	20T4-ANM1	6,90			Trung bình	
81	20002549	Trần Xuân	Phú	Nam	19/07/2005	20T4-ANM1	6,96			Trung bình	
82	20000745	Dương Minh	Triết	Nam	28/02/2005	20T4-ANM1	7,87			Khá	
83	20002874	Huỳnh Trọng	Bằng	Nam	30/09/2005	20T4-CCK2	6,87			Trung bình	
84	20005388	Đào Công	Hậu	Nam	20/10/2003	20T4-CCK2	6,83		TOEIC 350	Trung bình	
85	20002358	Trịnh Trung	Kiệt	Nam	15/01/2005	20T4-CCK2	6,37	x	TOEIC 350	Trung bình	
86	20003186	Phạm Tiến	Phúc	Nam	03/10/2005	20T4-CCK2	6,31	x		Trung bình	
87	20000740	Nguyễn	An	Nam	07/10/2005	20T4-CĐT1	8,08			Giỏi	
88	20002916	Nguyễn Thái	Bình	Nam	06/07/2005	20T4-CĐT1	7,87			Khá	
89	20001704	Trần Đình	Cường	Nam	12/07/2005	20T4-CĐT1	7,97			Khá	
90	20001674	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	12/06/2005	20T4-CĐT1	6,98			Trung bình	
91	20001724	Võ Tấn	Đạt	Nam	15/03/2005	20T4-CĐT1	6,86			Trung bình	
92	20002425	Nguyễn Tăng Gia	Định	Nam	18/12/2005	20T4-CĐT1	6,65			Trung bình	
93	20001600	Vũ Thành	Đức	Nam	11/01/2005	20T4-CĐT1	6,97	x		Trung bình	
94	20001539	Nguyễn Anh	Hào	Nam	20/01/2005	20T4-CĐT1	7,41			Khá	
95	20002917	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	06/07/2005	20T4-CĐT1	7,45			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
96	20002537	Phan Quang	Huy	Nam	14/07/2005	20T4-CĐT1	7,06			Khá	
97	20000609	Lai Hoàng Minh	Khôi	Nam	18/02/2005	20T4-CĐT1	7,37			Khá	
98	20001352	Hoàng Nguyễn Tuấn	Phong	Nam	19/09/2005	20T4-CĐT1	8,01			Giỏi	
99	20001366	Nguyễn Lưu Quang	Sáng	Nam	01/08/2005	20T4-CĐT1	6,45			Trung bình	
100	20001598	Vũ Thành	Tài	Nam	11/01/2005	20T4-CĐT1	7,35	x		Khá	
101	20000755	Chao Chạc	Thành	Nam	22/02/2004	20T4-CĐT1	7,40	x		Khá	
102	20001176	Lê Đức Phước	Thịnh	Nam	26/08/2005	20T4-CĐT1	6,29			Trung bình	
103	20001962	Đỗ Duy	Tiến	Nam	01/10/2005	20T4-CĐT1	7,12			Khá	
104	20001790	Lương Tấn	Trung	Nam	02/06/2005	20T4-CĐT1	7,52			Khá	
105	20001454	Bùi Ngọc Hoài	Vũ	Nam	10/10/2005	20T4-CĐT1	6,32			Trung bình	
106	20000718	Lê Hoàng	Anh	Nam	04/05/2004	20T4-CKL1	6,42		TOEIC 300	Trung bình	
107	20000856	Nguyễn Hữu	Cảnh	Nam	03/06/2005	20T4-CKL1	6,66	x		Trung bình	
108	20001248	Hoàng Thế	Dũng	Nam	03/10/2004	20T4-CKL1	7,98	x	TOEIC 300	Khá	
109	20001229	Trần Minh	Hải	Nam	07/04/2005	20T4-CKL1	5,77		TOEIC 300	Trung bình	
110	20000691	Tô Hoàng	Sang	Nam	27/02/2005	20T4-CKL1	6,84	x	TOEIC 300	Trung bình	
111	20001017	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	10/09/2005	20T4-CKL1	6,58	x		Trung bình	
112	20001375	Phạm Đức	Toàn	Nam	09/01/2005	20T4-CKL1	6,82	x	TOEIC 300	Trung bình	
113	20000389	Hương Nguyễn Xuân	An	Nam	15/07/2005	20T4-CMT1	6,14			Trung bình	
114	20002039	Lê Trần Thiên	Ân	Nam	24/08/2005	20T4-CMT1	7,31			Khá	
115	20001718	Võ Thái Quốc	Chương	Nam	09/01/2005	20T4-CMT1	6,50			Trung bình	
116	20001590	Trần Kim	Đô	Nam	01/01/2005	20T4-CMT1	6,13			Trung bình	
117	20001546	Trần Xuân	Đức	Nam	28/07/2005	20T4-CMT1	7,87			Khá	
118	20001511	Võ Minh	Hiếu	Nam	15/04/2005	20T4-CMT1	6,54			Trung bình	
119	20000614	Phan Nguyễn Hoài	Khanh	Nam	14/09/2005	20T4-CMT1	6,31			Trung bình	
120	20005038	Trương Đăng	Khoa	Nam	13/02/2005	20T4-CMT1	6,90			Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
121	20001707	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	18/06/2004	20T4-CMT1	7,81			Khá	
122	20001166	Võ Tuấn	Kiệt	Nam	05/09/2005	20T4-CMT1	6,23			Trung bình	
123	20002168	Đinh Văn	Quang	Nam	16/10/2004	20T4-CMT1	8,54			Giỏi	
124	20002127	Nguyễn Trương Như	Sáng	Nam	25/08/2005	20T4-CMT1	7,11			Khá	
125	20000578	Hoàng Nguyễn Hữu	Trí	Nam	12/10/2005	20T4-CMT1	6,90			Trung bình	
126	20001665	Phan Thanh	Phong	Nam	24/09/2005	20T4-CNL1	7,36			Khá	
127	20001538	Trần Ngọc	Thiện	Nam	24/04/2005	20T4-CNL1	6,48			Trung bình	
128	20001436	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	01/05/2005	20T4-CNL1	7,43		TOEIC 350	Khá	
129	20001213	Từ Cao	Trí	Nam	23/10/2005	20T4-CNL1	7,54			Khá	
130	20002142	Lê Anh	Tuấn	Nam	26/04/2005	20T4-CNL1	7,45			Khá	
131	20002938	Nguyễn Thị Thu	Điệp	Nữ	28/11/2004	20T4-CNM1	7,05			Khá	
132	20000597	Lê Nguyễn Hồng	Duyên	Nữ	11/02/2005	20T4-CNM1	7,42		TOEIC 300	Khá	
133	20001700	Huỳnh Thị Bích	Hà	Nữ	06/07/2005	20T4-CNM1	7,37		TOEIC 300	Khá	
134	20001500	Trần Ngọc Yến	Nhi	Nữ	06/07/2005	20T4-CNM1	7,32			Khá	
135	20000243	Đặng Thành	An	Nam	24/02/2005	20T4-CNÔ1	6,16			Trung bình	
136	20000066	Tiêu Thiên	Ân	Nam	10/06/2005	20T4-CNÔ1	6,69			Trung bình	
137	20000034	Nguyễn Thành Công	Danh	Nam	30/09/2005	20T4-CNÔ1	7,02			Khá	
138	20000130	Nguyễn	Khánh	Nam	02/11/2005	20T4-CNÔ1	7,57	x		Khá	
139	20000163	Hà Văn Đức	Lợi	Nam	04/11/2005	20T4-CNÔ1	7,66	x	TOEIC 350	Khá	
140	20000155	Hà Văn	Long	Nam	24/06/2005	20T4-CNÔ1	6,86	x		Trung bình	
141	20000044	Trịnh Cao Bình	Nguyên	Nam	27/06/2002	20T4-CNÔ1	7,45	x		Khá	
142	20000255	Phan Đặng Thanh	Nhật	Nam	15/01/2005	20T4-CNÔ1	8,18	x	TOEIC 350	Giỏi	
143	20000166	Lê Bảo	Thịnh	Nam	13/10/2005	20T4-CNÔ1	5,88	x		Trung bình	
144	20000149	Trương Ngọc	Tùng	Nam	20/11/2001	20T4-CNÔ1	6,27			Trung bình	
145	20000058	Đỗ Kiến	Tường	Nam	22/01/2005	20T4-CNÔ1	8,13	x		Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
146	20000154	Nguyễn Thành	Xử	Nam	27/01/2005	20T4-CNÔ1	6,85			Trung bình	
147	20000475	Siu Thế	Chí	Nam	20/09/2003	20T4-CNÔ2	6,33			Trung bình	
148	20000293	Ngô Thành	Đạt	Nam	05/05/2005	20T4-CNÔ2	6,55			Trung bình	
149	18000017	Lê Thị Kim	Hằng	Nữ	19/12/2000	20T4-CNÔ2	7,75	x		Khá	
150	20000301	Lâm	Huy	Nam	30/11/2005	20T4-CNÔ2	7,56			Khá	
151	20000299	Đặng Hoàng	Khang	Nam	23/07/2005	20T4-CNÔ2	7,75		TOEIC 350	Khá	
152	20000549	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nam	13/07/2005	20T4-CNÔ2	6,27			Trung bình	
153	20000467	Hồ Hải	Lâm	Nam	30/03/2002	20T4-CNÔ2	7,18			Khá	
154	20000461	Nguyễn Thành	Lợi	Nam	06/05/2005	20T4-CNÔ2	6,71			Trung bình	
155	20000289	Trần Nguyễn Hoàng	Long	Nam	15/11/2005	20T4-CNÔ2	6,58			Trung bình	
156	20000468	Vũ Quang	Minh	Nam	03/05/2005	20T4-CNÔ2	7,45			Khá	
157	20000423	Hồ Vũ Thanh	Thiện	Nam	22/07/2004	20T4-CNÔ2	6,80			Trung bình	
158	20000505	Võ Minh	Trí	Nam	09/06/2004	20T4-CNÔ2	6,36	x		Trung bình	
159	20000335	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	13/06/2005	20T4-CNÔ2	6,82			Trung bình	
160	20000565	Nguyễn Trịnh Thiên	Khôi	Nam	22/10/2005	20T4-CNÔ3	6,75	x		Trung bình	
161	20000803	Nguyễn Ngọc Phi	Long	Nam	29/01/2005	20T4-CNÔ3	6,61	x		Trung bình	
162	20000759	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	24/11/2004	20T4-CNÔ3	7,86	x		Khá	
163	20000604	Nguyễn Văn	Phú	Nam	08/03/2002	20T4-CNÔ3	6,91	x		Trung bình	
164	20001971	Lê Văn	Thành	Nam	13/07/2005	20T4-CNÔ3	6,51			Trung bình	
165	20000576	Trần Mạnh	Thịnh	Nam	04/03/2003	20T4-CNÔ3	7,55	x		Khá	
166	20000958	Vương Đình	Hùng	Nam	08/04/2005	20T4-CNÔ4	7,03			Khá	
167	20000937	Nguyễn Duy	Khang	Nam	27/11/2005	20T4-CNÔ4	7,24	x		Khá	
168	20004621	Đào Công	Khanh	Nam	18/12/2003	20T4-CNÔ4	6,82	x		Trung bình	
169	20000846	Triệu Hoàng	Long	Nam	27/07/2005	20T4-CNÔ4	8,07			Giỏi	
170	20000941	Nguyễn Phúc Hiếu	Nghiêm	Nam	21/12/2004	20T4-CNÔ4	7,18	x		Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
171	20000813	Lê Minh	Phát	Nam	26/07/2005	20T4-CNÔ4	6,58			Trung bình	
172	20000975	Lê Ngọc	Thảo	Nam	27/08/2005	20T4-CNÔ4	6,91		TOEIC 300	Trung bình	
173	20000970	Hồ Thanh	Tú	Nam	04/03/2005	20T4-CNÔ4	6,81	x		Trung bình	
174	20000839	Phạm Nguyễn Duy	Vương	Nam	11/08/2004	20T4-CNÔ4	6,76			Trung bình	
175	20002589	Bùi Khả	Dân	Nam	28/03/2005	20T4-CNÔ5	7,89			Khá	
176	20002280	Phạm Thành	Đức	Nam	08/10/2005	20T4-CNÔ5	6,11			Trung bình	
177	20001392	Mạch Chấn	Hào	Nam	21/04/2005	20T4-CNÔ5	7,67			Khá	
178	20001168	Lê Đức	Hòa	Nam	16/10/2005	20T4-CNÔ5	6,46			Trung bình	
179	20002029	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	11/08/2005	20T4-CNÔ5	6,12			Trung bình	
180	20002681	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	02/10/2005	20T4-CNÔ5	6,37			Trung bình	
181	20001153	Nguyễn Thanh	Liêm	Nam	30/05/2001	20T4-CNÔ5	6,00			Trung bình	
182	20001342	Trần Minh	Son	Nam	27/06/2005	20T4-CNÔ5	7,39			Khá	
183	20001184	Phan	Tài	Nam	24/10/2004	20T4-CNÔ5	7,15	x		Khá	
184	20001568	Nguyễn Đan	Trường	Nam	15/05/2005	20T4-CNÔ5	6,98		TOEIC 300	Trung bình	
185	20003473	Trần Huy	Hoàng	Nam	30/12/2004	20T4-ĐCN1	7,52			Khá	
186	20002379	Vũ Bảo	Khang	Nam	19/10/2005	20T4-ĐCN1	7,18			Khá	
187	20002100	Phạm Sỹ	Phú	Nam	06/09/2005	20T4-ĐCN1	8,51			Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn GDCT)
188	20005036	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	Nam	05/01/1997	20T4-ĐCN1	6,58			Trung bình	
189	20001148	Trần Hữu	Phước	Nam	23/09/2005	20T4-ĐCN1	8,11	x		Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn CCD)
190	20001519	Nguyễn Nhân	Thành	Nam	21/11/2005	20T4-ĐCN1	6,45	x	TOEIC 350	Trung bình	
191	20001552	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	16/08/2004	20T4-ĐCN1	5,94	x		Trung bình	
192	20002176	Đỗ Hoài	An	Nam	02/11/2005	20T4-ĐĐT1	8,29			Giỏi	
193	20000099	Châu Duy	Bảo	Nam	10/03/2005	20T4-ĐĐT1	7,62			Khá	
194	20000612	Vũ Lý Gia	Bảo	Nam	11/09/2005	20T4-ĐĐT1	6,91	x	TOEIC 300	Trung bình	
195	20003018	Mai Khánh	Đăng	Nam	06/09/2005	20T4-ĐĐT1	6,37			Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
196	20000455	Võ Văn	Đạt	Nam	16/01/2004	20T4-ĐĐT1	7,29			Khá	
197	20003356	Nguyễn Đức	Huy	Nam	26/03/2005	20T4-ĐĐT1	7,58			Khá	
198	20002360	Bùi Phương	Nam	Nam	24/12/2005	20T4-ĐĐT1	6,68		TOEIC 300	Trung bình	
199	20002139	Nguyễn Đông	Phúc	Nam	07/05/2005	20T4-ĐĐT1	7,40	x	TOEIC 300	Khá	
200	20001810	Trịnh Trung	Quyền	Nam	22/10/2005	20T4-ĐĐT1	8,89			Giỏi	
201	20003293	Vì Minh	Thái	Nam	18/01/2005	20T4-ĐĐT1	8,56			Giỏi	
202	20000356	Nguyễn Thanh	Thiện	Nam	30/05/2005	20T4-ĐĐT1	6,82			Trung bình	
203	20002069	Trần Lê Minh	Thuận	Nam	28/12/2005	20T4-ĐĐT1	6,81			Trung bình	
204	20002076	Nguyễn Lê Minh	Trí	Nam	13/01/2004	20T4-ĐĐT1	7,10			Khá	
205	20002321	Nguyễn Phạm Duy	Anh	Nam	21/01/2005	20T4-ĐHĐ1	7,32			Khá	
206	20001982	Nguy Đức	Hào	Nam	04/01/2004	20T4-ĐHĐ1	7,61			Khá	
207	20001558	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	Nam	19/08/2005	20T4-ĐHĐ1	6,97			Trung bình	
208	20002077	Phan Văn	Khải	Nam	16/10/2005	20T4-ĐHĐ1	7,63			Khá	
209	20001776	Hồ Minh	Khang	Nam	27/08/2005	20T4-ĐHĐ1	6,93			Trung bình	
210	20000065	Nguyễn Minh	Khang	Nam	19/08/2005	20T4-ĐHĐ1	7,21			Khá	
211	20002180	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	26/11/2005	20T4-ĐHĐ1	6,55			Trung bình	
212	20001779	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	Nam	26/10/2005	20T4-ĐHĐ1	6,96			Trung bình	
213	20002068	Phạm Ngọc	Lan	Nữ	10/01/2005	20T4-ĐHĐ1	7,64			Khá	
214	20001561	Nguyễn Thành	Long	Nam	01/04/2005	20T4-ĐHĐ1	7,82			Khá	
215	20001835	Trần Hồ Phúc	Nam	Nam	14/10/2005	20T4-ĐHĐ1	7,21			Khá	
216	20001800	Phạm Hoàng	Quân	Nam	01/11/2005	20T4-ĐHĐ1	7,62			Khá	
217	20002173	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	20/08/2005	20T4-ĐHĐ1	6,13			Trung bình	
218	20001393	Lê Nhật	Tân	Nam	15/04/2005	20T4-ĐHĐ1	6,72			Trung bình	
219	20001858	Võ Quốc	Thái	Nam	03/03/2005	20T4-ĐHĐ1	7,43			Khá	
220	20002018	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	24/05/2005	20T4-ĐHĐ1	6,71			Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
221	20002116	Bùi Ngọc Uyên	Thư	Nữ	24/09/2005	20T4-ĐHĐ1	7,48			Khá	
222	20001861	Trần Ngọc	Thy	Nữ	15/04/2005	20T4-ĐHĐ1	6,94			Trung bình	
223	20001767	Nguyễn Thụy Thanh	Vy	Nữ	18/05/2005	20T4-ĐHĐ1	7,03			Khá	
224	20001688	Trần Hồng	Ân	Nữ	07/10/2004	20T4-KLB1	8,34			Giỏi	
225	20001061	Nguyễn Thế	Duy	Nam	24/10/2005	20T4-KLB1	7,03	x	TOEIC 300	Khá	
226	20000071	Vũ Ngọc	Hân	Nữ	08/11/2005	20T4-KLB1	6,98			Trung bình	
227	20000029	Vũ Phạm Hồng Ân	Huệ	Nữ	11/12/2005	20T4-KLB1	7,03		TOEIC 300	Khá	
228	20001315	Lê Minh	Hùng	Nam	24/11/2005	20T4-KLB1	6,33			Trung bình	
229	20001574	Lê Nguyễn Tuấn	Huy	Nam	09/07/2005	20T4-KLB1	6,04		TOEIC 300	Trung bình	
230	20001579	Nguyễn Xuân	Lan	Nữ	07/11/2005	20T4-KLB1	7,95		TOEIC 300	Khá	
231	20002140	Huỳnh Thị Phương	Linh	Nữ	16/01/2005	20T4-KLB1	6,79		TOEIC 300	Trung bình	
232	20001731	Nguyễn Trần Ánh	Linh	Nữ	26/10/2005	20T4-KLB1	7,55		TOEIC 300	Khá	
233	20001787	Trần Trà	My	Nữ	12/11/2005	20T4-KLB1	7,21		TOEIC 300	Khá	
234	20001752	Trương Ngọc Thảo	My	Nữ	26/02/2004	20T4-KLB1	7,70			Khá	
235	20000223	Trần Ngọc Thúy	Nhi	Nữ	06/01/2005	20T4-KLB1	6,74		TOEIC 300	Trung bình	
236	20000952	Hồng Tú	Phượng	Nữ	25/05/2003	20T4-KLB1	8,30			Giỏi	
237	20001325	Trần Quốc	Tài	Nam	05/07/2005	20T4-KLB1	6,90			Trung bình	
238	20001134	Mạch Duy	Tân	Nam	22/05/2005	20T4-KLB1	6,25			Trung bình	
239	20002274	Nguyễn Thị Bảo	Trân	Nữ	19/05/2005	20T4-KLB1	7,79		TOEIC 300	Khá	
240	20001904	Phạm Nguyễn Hoàng	Trí	Nam	16/09/2005	20T4-KLB1	7,17			Khá	
241	20001743	Huỳnh Trà	Vy	Nữ	04/02/2005	20T4-KLB1	7,18	x	TOEIC 300	Khá	
242	20001981	Nguyễn Phạm Thảo	Vy	Nữ	03/08/2005	20T4-KLB1	7,69	x	TOEIC 300	Khá	
243	20001995	Hà Kim	Yến	Nữ	17/05/2005	20T4-KLB1	7,33	x	TOEIC 300	Khá	
244	20001924	Huỳnh Lê	Đạt	Nam	20/11/2003	20T4-KML1	7,63			Khá	
245	20004475	Võ Đức	Hào	Nam	11/12/2005	20T4-KML1	7,16	x		Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
246	20002668	Nguyễn Lâm	Hoàng	Nam	07/09/2005	20T4-KML1	6,96			Trung bình	
247	20001588	Đặng Quang	Huy	Nam	22/04/2005	20T4-KML1	7,81	x		Khá	
248	20000393	Đào Bá	Phi	Nam	04/11/2005	20T4-KML1	8,69	x		Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn GDCT)
249	20002121	Đỗ Hoàng	Quân	Nam	09/07/2005	20T4-KML1	6,68			Trung bình	
250	20000828	Nguyễn Hoàng Nhật	Quân	Nam	05/07/2005	20T4-KML1	6,85		TOEIC 350	Trung bình	
251	20002343	Trần Quang	Thiện	Nam	10/10/2005	20T4-KML1	7,71			Khá	
252	20000482	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	29/03/2005	20T4-KML1	6,92			Trung bình	
253	20001439	Nguyễn Trương Minh	Trí	Nam	15/12/2005	20T4-KML1	6,53		TOEIC 300	Trung bình	
254	20000392	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	28/10/2005	20T4-KML1	8,33			Giỏi	
255	20004748	Lê Thị Thanh	An	Nữ	07/03/2001	20T4-KTD1	7,33	x	TOEIC 300	Khá	
256	20001565	Đặng Nguyễn Thiên	Ân	Nữ	06/07/2005	20T4-KTD1	7,76			Khá	
257	20002965	Võ Thủy Hồng	Ân	Nữ	16/07/2005	20T4-KTD1	6,47	x		Trung bình	
258	20001818	Đặng Hoài	Anh	Nữ	18/06/2004	20T4-KTD1	6,76			Trung bình	
259	20001509	Đoàn Thị Phương	Anh	Nữ	29/07/2005	20T4-KTD1	6,62			Trung bình	
260	20001735	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Châu	Nữ	16/10/2005	20T4-KTD1	7,16		TOEIC 300	Khá	
261	19000299	Nguyễn Hoàng Lệ	Chi	Nữ	16/09/2004	20T4-KTD1	7,25	x		Khá	
262	20002001	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	Nữ	14/05/2005	20T4-KTD1	7,90	x		Khá	
263	20000419	Hoàng Gia	Khang	Nam	23/08/2005	20T4-KTD1	7,42	x	TOEIC 300	Khá	
264	20000480	Huỳnh Phan Ngọc	Linh	Nữ	12/05/2005	20T4-KTD1	7,68			Khá	
265	20004996	Vì Nhật	Linh	Nữ	05/06/2003	20T4-KTD1	6,91			Trung bình	
266	20000253	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	06/10/2005	20T4-KTD1	8,19	x		Giỏi	
267	20000657	Nguyễn Ngọc Trúc	Mai	Nữ	14/04/2005	20T4-KTD1	8,58	x		Giỏi	
268	20001444	Đỗ Ngọc Trà	My	Nữ	20/01/2005	20T4-KTD1	7,25			Khá	
269	20002426	Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	22/09/2005	20T4-KTD1	8,73	x		Giỏi	
270	20002341	Trương Lê Bảo	Ngân	Nữ	05/01/2005	20T4-KTD1	7,48			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Cố chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
271	20001826	Võ Phạm Như	Ngọc	Nữ	10/02/2005	20T4-KTD1	6,21		TOEIC 300	Trung bình	
272	20001381	Phan Trần Hoàng	Nhi	Nữ	17/01/2005	20T4-KTD1	7,16			Khá	
273	20002205	Trần Ngọc	Như	Nữ	16/12/2005	20T4-KTD1	7,41			Khá	
274	20001714	Lê Nguyên	Phú	Nam	13/09/2005	20T4-KTD1	6,87			Trung bình	
275	20002544	Mai Trần Ngọc	Phương	Nữ	20/10/2004	20T4-KTD1	6,98		TOEIC 300	Trung bình	
276	20000400	Nguyễn Thị Thúy	Phương	Nữ	12/06/2005	20T4-KTD1	7,28			Khá	
277	20000539	Vũ Thị	Phương	Nữ	21/02/2004	20T4-KTD1	6,56			Trung bình	
278	20000947	Huỳnh Lê Ái	Quốc	Nam	26/07/2004	20T4-KTD1	6,99	x		Trung bình	
279	20001462	Hồ Thị Thu	Quyên	Nữ	12/10/2005	20T4-KTD1	6,73			Trung bình	
280	20002288	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	02/05/2005	20T4-KTD1	7,71			Khá	
281	20002452	Nguyễn Duy	Tân	Nam	01/08/2005	20T4-KTD1	6,95			Trung bình	
282	20001690	Trần Thị Dương	Thúy	Nữ	03/08/2005	20T4-KTD1	6,24			Trung bình	
283	20001988	Nguyễn Trần Mỹ	Tiên	Nữ	19/10/2005	20T4-KTD1	8,73		TOEIC 300	Giỏi	
284	20001264	Đinh Minh	Tính	Nam	06/11/2005	20T4-KTD1	8,56			Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn GDCT)
285	20002979	Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	06/03/2005	20T4-KTD1	7,67			Khá	
286	20001619	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	16/07/2005	20T4-KTD1	6,77			Trung bình	
287	20000848	Võ Phương	Trình	Nữ	03/09/2005	20T4-KTD1	7,56			Khá	
288	20002463	Đinh Thị Thanh	Trúc	Nữ	07/05/2003	20T4-KTD1	7,61			Khá	
289	20000927	Nguyễn Nữ Xuân	Vy	Nữ	08/03/2001	20T4-KTD1	7,77			Khá	
290	20002067	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	06/11/2005	20T4-KTD1	7,43			Khá	
291	20000108	Phan Quốc	Dũng	Nam	08/07/2005	20T4-KXD1	6,92			Trung bình	
292	20002446	Lê Văn	Hiếu	Nam	11/01/2005	20T4-KXD1	6,43	x	TOEIC 300	Trung bình	
293	20001712	Đặng Minh	Hùng	Nam	14/02/2005	20T4-KXD1	7,79	x	TOEIC 350	Khá	
294	20000818	Phạm Trần Xuân	Khoa	Nam	04/11/2005	20T4-KXD1	6,64		TOEIC 300	Trung bình	
295	20002062	Vũ Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	10/03/2005	20T4-KXD1	7,05	x	TOEIC 300	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
296	20003658	Phạm Hưng	Thành	Nam	21/01/2005	20T4-KXD1	7,31	x	TOEIC 300	Khá	
297	20001847	Trần Thanh	Tùng	Nam	31/12/2005	20T4-KXD1	7,62	x		Khá	
298	20001946	Nguyễn Hồ Tấn	Đạt	Nam	08/12/2005	20T4-LĐL1	5,90			Trung bình	
299	20000428	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Nam	10/11/2003	20T4-LĐL1	7,76			Khá	
300	20002004	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	Nam	19/01/2005	20T4-LĐL1	7,36			Khá	
301	20001537	Võ Hoàng	Nam	Nam	26/08/2005	20T4-LĐL1	7,80		TOEIC 350	Khá	
302	20000106	Đặng Lê Hữu	Phúc	Nam	14/03/2005	20T4-LĐL1	6,18			Trung bình	
303	20001575	Đoàn Minh	Thuận	Nam	12/07/2005	20T4-LĐL1	7,41			Khá	
304	20002282	Phạm Thị Thảo	Anh	Nữ	22/11/2005	20T4-LGT1	8,57	x	TOEIC 300	Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Bị kỷ luật mức cảnh cáo)
305	20001036	Lê Phát	Đạt	Nam	03/08/1998	20T4-LGT1	8,12	x		Giỏi	
306	20003082	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	17/06/2005	20T4-LGT1	8,11	x	TOEIC 300	Giỏi	
307	20002532	Trương Phú Gia	Huy	Nam	15/11/2005	20T4-LGT1	6,89			Trung bình	
308	20002617	Nguyễn Thanh Thiên	Kim	Nữ	21/08/2005	20T4-LGT1	7,01			Khá	
309	20001158	Nguyễn An	Nguyên	Nam	19/09/2005	20T4-LGT1	7,11			Khá	
310	20001902	Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	27/07/2005	20T4-LGT1	7,83			Khá	
311	20001792	Diêm Phạm Quỳnh	Như	Nữ	05/03/2005	20T4-LGT1	7,63			Khá	
312	20001691	Vĩnh Thị Anh	Như	Nữ	03/07/2005	20T4-LGT1	8,09	x	TOEIC 300	Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại Vận tải đa phương thức)
313	20001390	Trần Văn Thành	Phú	Nam	30/10/2005	20T4-LGT1	5,71			Trung bình	
314	20006761	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	05/12/1997	20T4-LGT1	8,31	x		Giỏi	
315	20000169	Nguyễn Ngọc Kim	Tiên	Nữ	17/11/2005	20T4-LGT1	7,67	x		Khá	
316	20002313	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	19/09/2005	20T4-LGT1	7,22			Khá	
317	20000491	Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	26/09/2005	20T4-LGT1	9,06	x		Xuất sắc	
318	20000502	Nguyễn Thành	Danh	Nam	13/01/2005	20T4-LTM1	6,61			Trung bình	
319	20000962	Sễn Liên	Đạt	Nam	25/11/2005	20T4-LTM1	5,79			Trung bình	
320	20001046	Nguyễn Đức	Duy	Nam	23/12/2005	20T4-LTM1	7,14			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
321	20000416	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/08/1998	20T4-LTM1	7,13			Khá	
322	20000722	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	31/12/2004	20T4-LTM1	6,24			Trung bình	
323	20000677	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	24/06/2004	20T4-LTM1	6,05			Trung bình	
324	20000339	Nguyễn Hoàng	Hưng	Nam	29/01/2005	20T4-LTM1	6,98			Trung bình	
325	20000457	Lâm Bảo	Long	Nam	28/06/2005	20T4-LTM1	6,30			Trung bình	
326	20000387	Đinh Gia Bảo	Nghi	Nữ	21/08/2005	20T4-LTM1	7,68			Khá	
327	20000118	Nguyễn Anh	Quân	Nam	18/11/2005	20T4-LTM1	7,13			Khá	
328	20000197	Lê Đình Quốc	Quyền	Nam	22/03/2005	20T4-LTM1	6,43			Trung bình	
329	20000070	Lê Minh	Tài	Nam	25/09/2005	20T4-LTM1	7,98			Khá	
330	20000598	Trần Gia Lạc	Thụy	Nữ	29/11/2005	20T4-LTM1	8,92			Giỏi	
331	20000276	Phạm Nguyễn Quốc	Tính	Nam	10/11/2005	20T4-LTM1	8,59			Giỏi	
332	20000417	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	11/03/1999	20T4-LTM1	8,86			Giỏi	
333	20000184	Mai Lê Đức	Trung	Nam	25/06/2005	20T4-LTM1	6,91			Trung bình	
334	20000758	Nguyễn Tấn	Trường	Nam	10/05/2005	20T4-LTM1	6,76			Trung bình	
335	20000912	Huỳnh Kim	Vinh	Nam	27/05/2005	20T4-LTM1	6,65			Trung bình	
336	20000227	Lương Triều	Vỹ	Nam	22/03/2005	20T4-LTM1	7,03			Khá	
337	20002007	Phạm Trần Khánh	Đăng	Nam	31/08/2005	20T4-LTM2	6,35			Trung bình	
338	20001456	Nguyễn Hồng	Đức	Nam	22/08/2005	20T4-LTM2	6,97		TOEIC 300	Trung bình	
339	20001629	Nguyễn Thanh	Hậu	Nam	15/02/2005	20T4-LTM2	7,21			Khá	
340	20001435	Đặng Ngọc	Huy	Nam	16/04/2005	20T4-LTM2	7,23			Khá	
341	20002618	Đinh Lâm	Huy	Nam	01/03/2005	20T4-LTM2	6,45			Trung bình	
342	20001087	Lê Hoàng Minh	Huy	Nam	21/12/2005	20T4-LTM2	8,47			Giỏi	
343	20000229	Phan Trần Gia	Huy	Nam	25/10/2005	20T4-LTM2	6,51			Trung bình	
344	20001703	Huỳnh Hồng Kim	Tài	Nam	24/10/2005	20T4-LTM2	6,18		TOEIC 300	Trung bình	
345	20001780	Đinh Thành	Tín	Nam	19/06/2005	20T4-LTM2	7,08			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
346	20002356	Trần Thanh	Trà	Nữ	15/10/2005	20T4-LTM2	8,85			Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Phần cứng máy tính)
347	20001544	Lê Thành	Trung	Nam	10/07/2005	20T4-LTM2	8,16			Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Tin học, Hệ Quản trị CSDL)
348	20001374	Phan Vũ Quang	An	Nam	11/09/2002	20T4-NNA1	9,28			Xuất sắc	
349	20001567	Huỳnh Trung	Chánh	Nam	24/10/2005	20T4-NNA1	8,09	x		Giỏi	
350	20000463	Trương Thị Kim	Hà	Nữ	27/12/2001	20T4-NNA1	7,57			Khá	
351	20001784	Phạm An	Hòa	Nam	26/12/2005	20T4-NNA1	7,44		x	Khá	
352	20000445	Lê Hoàng	Khang	Nam	13/01/2005	20T4-NNA1	7,59		x	Khá	
353	20001463	Đào Xuân	Mai	Nữ	01/07/2005	20T4-NNA1	7,45	x		Khá	
354	20000402	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	23/10/2005	20T4-NNA1	7,60		x	Khá	
355	20001034	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	20/09/2001	20T4-NNA1	6,51		x	Trung bình	
356	20000001	Phan Lâm	Tân	Nam	04/09/2001	20T4-NNA1	6,61			Trung bình	
357	20001733	Kha Thị Phương	Thảo	Nữ	12/12/2005	20T4-NNA1	6,57			Trung bình	
358	20000121	Nguyễn Ngọc Bích	Thảo	Nữ	10/07/2005	20T4-NNA1	7,60		x	Khá	
359	20003543	Âu Nguyễn Kim	Thi	Nữ	29/10/2005	20T4-NNA1	9,20	x	x	Xuất sắc	
360	20001154	Hoàng Ngọc Quang	Thiên	Nam	08/04/2005	20T4-NNA1	8,38	x	x	Giỏi	
361	20001357	Trần Hữu	Thiện	Nam	08/08/2005	20T4-NNA1	7,18	x		Khá	
362	20001095	Dương Trần Anh	Tôn	Nam	13/11/2005	20T4-NNA1	8,33		x	Giỏi	
363	20000973	Giang Bảo	Trân	Nữ	02/10/2005	20T4-NNA1	7,09		x	Khá	
364	20000822	Tạ Phương Thùy	Trang	Nữ	08/11/2004	20T4-NNA1	9,08		x	Xuất sắc	
365	20002877	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	16/08/2005	20T4-NNA1	6,90			Trung bình	
366	20001698	Hà Thanh	Vân	Nữ	14/02/2005	20T4-NNA1	6,88		x	Trung bình	
367	20002084	Mai Trung	Hải	Nam	15/11/2005	20T4-NNA2	7,40			Khá	
368	20002557	Lê Hoàng	Mạnh	Nam	11/08/2005	20T4-NNA2	7,93	x	x	Khá	
369	20002340	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	Nữ	19/09/2005	20T4-NNA2	6,70		x	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
370	20002512	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Nữ	15/10/2005	20T4-NNA2	6,49		x	Trung bình	
371	20002000	Nguyễn Trần Bảo	Ân	Nữ	03/01/2005	20T4-QDL1	7,84		TOEIC 300	Khá	
372	20002520	Nông Thy	Diệu	Nữ	04/12/2005	20T4-QDL1	6,91		TOEIC 300	Trung bình	
373	20000489	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/03/2005	20T4-QDL1	7,21	x	TOEIC 300	Khá	
374	20002556	Đỗ Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	13/12/2005	20T4-QDL1	7,29			Khá	
375	20000842	Lê Thị	Hương	Nữ	10/03/2005	20T4-QDL1	6,85		TOEIC 350	Trung bình	
376	20001113	Phạm Thị Kim	Lài	Nữ	11/11/2005	20T4-QDL1	7,52			Khá	
377	20001808	Trần Nguyễn Xuân	Nhi	Nữ	27/03/2005	20T4-QDL1	8,23		TOEIC 350	Giỏi	
378	20002225	Lò Viết	Phi	Nam	14/12/2004	20T4-QDL1	7,46			Khá	
379	20001716	Lê Huỳnh Trọng	Phúc	Nam	29/08/2005	20T4-QDL1	7,67			Khá	
380	20001040	Nguyễn Kim	Phụng	Nữ	17/05/2004	20T4-QDL1	7,18		TOEIC 350	Khá	
381	20002023	Nguyễn Cao Quỳnh	Thư	Nữ	18/06/2005	20T4-QDL1	7,01			Khá	
382	20000643	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	19/11/2005	20T4-QDL1	6,80		TOEIC 300	Trung bình	
383	20002189	Trương Ngọc Trúc	Tiên	Nữ	23/02/2005	20T4-QDL1	6,90			Trung bình	
384	20002238	Huỳnh Văn	Toàn	Nam	29/08/2005	20T4-QDL1	7,89		TOEIC 300	Khá	
385	20002433	Lê Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	01/07/2005	20T4-QDL1	6,86	x		Trung bình	
386	20002091	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	Nữ	22/11/2005	20T4-QDL1	7,77		TOEIC 300	Khá	
387	20002625	Lữ Ngọc Thảo	Vy	Nữ	25/12/2005	20T4-QDL1	8,18		TOEIC 350	Giỏi	
388	20001719	Nguyễn Đoan	Vy	Nữ	11/11/2004	20T4-QDL1	7,51		TOEIC 350	Khá	
389	20001424	Nguyễn Dương Phương	Anh	Nữ	26/07/2005	20T4-QKS1	6,83			Trung bình	
390	20000983	Lý Thanh	Hiếu	Nam	06/04/2005	20T4-QKS1	6,59			Trung bình	
391	20000945	Trần Phúc	Khang	Nam	22/10/2005	20T4-QKS1	7,15			Khá	
392	20000319	Nguyễn Long	Khánh	Nam	28/06/2005	20T4-QKS1	6,58			Trung bình	
393	20001645	Phạm Bùi Thiên	Kim	Nữ	29/04/2005	20T4-QKS1	8,51		TOEIC 300	Giỏi	
394	20001531	Tất Thang Ngọc	Loan	Nữ	12/01/2005	20T4-QKS1	7,21			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
395	20000832	Nguyễn Gia	Minh	Nam	03/07/2005	20T4-QKS1	6,81			Trung bình	
396	20002013	Ngô Hải	My	Nữ	26/11/2005	20T4-QKS1	7,41			Khá	
397	20000864	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	28/10/2005	20T4-QKS1	7,68	x		Khá	
398	20001009	Chuong Như	Ngọc	Nữ	10/10/2005	20T4-QKS1	7,47			Khá	
399	20001536	Truong Thị Phương	Nhi	Nữ	14/11/2005	20T4-QKS1	7,50			Khá	
400	20000074	Đinh Ngọc Xuân	Phuong	Nữ	10/02/2005	20T4-QKS1	8,07		TOEIC 300	Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Bị kỷ luật mức cảnh cáo)
401	20000980	Vòng Sìn	Quý	Nam	10/09/2005	20T4-QKS1	7,21	x		Khá	
402	20000182	Võ Diễm	Quỳnh	Nữ	16/11/2005	20T4-QKS1	6,62			Trung bình	
403	20002148	Vũ Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	13/10/2005	20T4-QKS1	7,65		TOEIC 300	Khá	
404	20000222	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Nữ	09/07/2005	20T4-QKS1	7,59			Khá	
405	20001035	Chế Đan	Trường	Nam	06/03/2005	20T4-QKS1	7,10			Khá	
406	20000245	Truong Ngọc Bảo	Vy	Nữ	30/09/2005	20T4-QKS1	6,29			Trung bình	
407	20002130	Quan Nguyễn Gia	Hân	Nữ	04/10/2005	20T4-QLH1	7,99	x	TOEIC 300	Khá	
408	20001182	Nguyễn Đình	Hân	Nam	21/03/2005	20T4-QLH1	6,95			Trung bình	
409	20002233	Nguyễn Quang	Minh	Nam	24/02/2005	20T4-QLH1	7,06			Khá	
410	20002391	Lưu Trần Phương	Ngân	Nữ	06/07/2005	20T4-QLH1	8,24			Giỏi	
411	20002254	Lê Tuyết	Nhung	Nữ	23/11/2005	20T4-QLH1	7,43			Khá	
412	20001162	Lưu Văn	Phát	Nam	14/08/2005	20T4-QLH1	7,92			Khá	
413	20004349	Lê Duy Công	Thành	Nam	19/02/2002	20T4-QLH1	7,76			Khá	
414	20003900	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	14/11/2005	20T4-QLH1	7,45			Khá	
415	20001896	Hoàng Lâm Trâm	Anh	Nữ	27/05/2005	20T4-QNH1	7,30			Khá	
416	20002230	Lâm Gia	Bảo	Nam	16/09/2005	20T4-QNH1	7,53	x	TOEIC 300	Khá	
417	20001812	Nguyễn Việt	Hà	Nữ	29/05/2005	20T4-QNH1	7,57			Khá	
418	20001257	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	05/10/2005	20T4-QNH1	6,90		TOEIC 300	Trung bình	
419	20001773	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/2005	20T4-QNH1	7,37		TOEIC 300	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
420	20001961	Triệu Minh	Nga	Nữ	27/07/2000	20T4-QNH1	7,78		TOEIC 300	Khá	
421	20000249	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	08/07/2005	20T4-QNH1	7,09			Khá	
422	20000724	Lê Đức Khôi	Nguyên	Nam	30/05/2005	20T4-QNH1	8,33	x	TOEIC 350	Giỏi	
423	20001986	Nguyễn Linh	Phương	Nữ	27/11/2005	20T4-QNH1	7,91	x		Khá	
424	20000781	Đỗ Hoàng Minh	Quân	Nam	28/01/2005	20T4-QNH1	8,11			Giỏi	
425	20001795	Vũ Lê Phương	Thảo	Nữ	03/05/2005	20T4-QNH1	7,22			Khá	
426	20000545	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/04/2005	20T4-QNH1	6,51			Trung bình	
427	20001721	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Nữ	09/10/2004	20T4-QNH1	6,98	x		Trung bình	
428	20001518	Nguyễn Kỳ	Vương	Nam	12/07/2005	20T4-QNH1	7,12			Khá	
429	20000544	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyến	Nữ	10/02/2005	20T4-QNH1	6,95			Trung bình	
430	20001701	Phan Thị Hoàng	Anh	Nữ	16/07/2005	20T4-QTD1	7,64	x		Khá	
431	20002521	Dương Nguyễn Thế	Bình	Nữ	19/05/2005	20T4-QTD1	6,74			Trung bình	
432	20000667	Mai Lê Trường	Giang	Nữ	23/03/2004	20T4-QTD1	8,48			Giỏi	
433	20000206	Dương Ngọc	Giàu	Nữ	27/11/2005	20T4-QTD1	7,12			Khá	
434	20001732	Phạm Gia	Hân	Nữ	26/02/2005	20T4-QTD1	7,91	x	TOEIC 300	Khá	
435	20001671	Võ Thị Bé	Hiếu	Nữ	24/09/2004	20T4-QTD1	7,23			Khá	
436	20001592	Lý Ngọc	Hoa	Nữ	22/04/2005	20T4-QTD1	6,77			Trung bình	
437	20001002	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ	Nữ	09/07/2005	20T4-QTD1	8,12	X		Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Bị kỷ luật mức cảnh cáo)
438	20000359	Nguyễn Lê Thùy	Linh	Nữ	11/10/2005	20T4-QTD1	7,04			Khá	
439	20002086	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	13/11/2005	20T4-QTD1	6,97			Trung bình	
440	20001883	Ngô Hoàng Yến	Nhi	Nữ	15/02/2005	20T4-QTD1	7,19			Khá	
441	20001855	Võ Lê Hoàng	Oanh	Nữ	26/07/2005	20T4-QTD1	7,27			Khá	
442	20002118	Đinh Ngô Hoàng	Phụng	Nam	07/11/2005	20T4-QTD1	7,05			Khá	
443	20002112	Lê Thị Quỳnh	Quyên	Nữ	27/04/2005	20T4-QTD1	7,70		TOEIC 300	Khá	
444	20001190	Nguyễn Huỳnh Mạnh	Thông	Nam	10/03/2005	20T4-QTD1	7,62	x	TOEIC 350	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
445	20000987	Ngô Thị	Thúy	Nữ	26/08/2004	20T4-QTD1	8,00	x		Giỏi	
446	20002226	Huỳnh Phước	Toàn	Nam	27/10/2004	20T4-QTD1	7,63			Khá	
447	20001347	Lê Bảo	Trân	Nữ	02/10/2005	20T4-QTD1	6,81			Trung bình	
448	20000430	Nguyễn Ngọc	Uyên	Nữ	21/03/2005	20T4-QTD1	7,06		TOEIC 300	Khá	
449	20001489	Đỗ Anh	Vũ	Nam	28/07/2005	20T4-QTD1	8,06			Giỏi	
450	20001163	Lâm Tường	Vy	Nữ	27/12/2003	20T4-QTD1	7,24		TOEIC 350	Khá	
451	20001838	Nguyễn Đình Gia	Bảo	Nam	26/05/2005	20T4-QTM1	6,52			Trung bình	
452	20001782	Trần Lê Quốc	Đạt	Nam	23/11/2005	20T4-QTM1	6,71			Trung bình	
453	20001670	Trần Minh	Đức	Nam	08/10/2005	20T4-QTM1	6,94		TOEIC 300	Trung bình	
454	20001643	Nguyễn Mạnh	Hoàng	Nam	15/08/2005	20T4-QTM1	6,39			Trung bình	
455	20000192	Nguyễn Đỗ Anh	Huy	Nam	25/04/2005	20T4-QTM1	7,69			Khá	
456	20001906	Phạm Vương Bảo	Khanh	Nam	16/01/2005	20T4-QTM1	7,42			Khá	
457	20001362	Lê Đăng	Khoa	Nam	20/10/2005	20T4-QTM1	7,41			Khá	
458	20000042	Đình Huỳnh Hoàng	Lâm	Nam	03/02/2005	20T4-QTM1	6,62			Trung bình	
459	20000870	Phùng Gia	Nghi	Nữ	13/02/2005	20T4-QTM1	7,93		TOEIC 300	Khá	
460	20000670	Phùng Đức	Thành	Nam	02/05/2005	20T4-QTM1	6,94			Trung bình	
461	20002070	Trần Văn	Trường	Nam	06/09/2005	20T4-QTM1	7,02			Khá	
462	20002783	Đặng Hải	Đặng	Nam	01/06/2001	20T4-QTM2	6,64			Trung bình	
463	20002647	Trần Nhật	Huy	Nam	15/02/2004	20T4-QTM2	6,88			Trung bình	
464	20002868	Lê Nguyễn Bảo	Lân	Nam	03/12/2005	20T4-QTM2	7,32			Khá	
465	20001819	Trần Đại	Nam	Nam	27/05/2005	20T4-QTM2	7,49			Khá	
466	20001765	Hồng Hoàng	Tân	Nam	07/12/2005	20T4-QTM2	6,58			Trung bình	
467	20002054	Lê Phương	Anh	Nữ	11/12/2005	20T4-TCD1	7,50	x	TOEIC 300	Khá	
468	20000852	Nguyễn Văn	Đang	Nam	15/11/2005	20T4-TCD1	8,44	x	TOEIC 300	Giỏi	
469	20001816	Huỳnh Tuấn	Đạt	Nam	19/07/2005	20T4-TCD1	7,26		TOEIC 300	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
470	20002272	Trịnh Minh	Hiển	Nam	02/12/2005	20T4-TCD1	6,37	x		Trung bình	
471	20002621	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	07/10/2005	20T4-TCD1	7,92			Khá	
472	20002733	Phan Nguyễn Kiều	Oanh	Nữ	29/08/2005	20T4-TCD1	8,17			Giỏi	
473	20003206	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/04/2005	20T4-TCD1	8,09	x		Giỏi	
474	20001316	Nguyễn Đoàn Thanh	Vân	Nữ	03/09/2005	20T4-TCD1	8,64			Giỏi	
475	20000096	Đào Tấn	Hoàng	Nam	01/10/2005	20T4-TĐH1	6,46			Trung bình	
476	20001430	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	05/12/2005	20T4-TĐH1	8,16	x		Giỏi	
477	20001369	Lê Phạm Minh	Kiệt	Nam	17/02/2005	20T4-TĐH1	6,62			Trung bình	
478	20001853	Nguyễn Thái Nhật	Nam	Nam	06/10/2005	20T4-TĐH1	7,77			Khá	
479	20001957	Lê Trung	Nhân	Nam	01/12/2005	20T4-TĐH1	7,78	x		Khá	
480	20001314	Phan Hoàng	Phúc	Nam	09/06/2005	20T4-TĐH1	8,23	x		Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Bị kỷ luật mức cảnh cáo)
481	20001580	Đinh Dương	Quý	Nam	23/12/2005	20T4-TĐH1	7,65	x		Khá	
482	20001881	Nguyễn Bảo	Thụy	Nam	16/10/2005	20T4-TĐH1	7,52	x		Khá	
483	20001744	Vũ Tiến	Đạt	Nam	18/03/2004	20T4-THU1	7,12			Khá	
484	20001895	Trần Quang	Định	Nam	13/07/2005	20T4-THU1	5,87			Trung bình	
485	20001815	Trần Thanh	Hải	Nam	20/04/2005	20T4-THU1	6,98		TOEIC 300	Trung bình	
486	20002672	Đặng Nhật	Huy	Nam	06/01/2005	20T4-THU1	6,98			Trung bình	
487	20000515	Nguyễn Duy	Khang	Nam	14/05/2005	20T4-THU1	6,87		TOEIC 300	Trung bình	
488	20002318	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	13/02/2005	20T4-THU1	6,64			Trung bình	
489	20000407	Cao Duy	Nguyên	Nam	31/12/2005	20T4-THU1	6,86			Trung bình	
490	20001210	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	17/03/2005	20T4-THU1	6,64			Trung bình	
491	20002229	Trần Thiên	Phúc	Nam	09/06/2005	20T4-THU1	6,87		TOEIC 300	Trung bình	
492	20002325	Lê Ngô Thanh	Thảo	Nữ	04/10/2005	20T4-THU1	7,01			Khá	
493	20001503	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	22/08/2005	20T4-THU1	8,34			Giỏi	
494	20001138	Trần Anh	Tuấn	Nam	31/07/2005	20T4-THU1	7,65			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
495	20000573	Phan Thành	Vinh	Nam	15/10/2005	20T4-THU1	6,18			Trung bình	
496	20001230	Trương Tuấn	Vũ	Nam	28/09/1995	20T4-THU1	8,04			Giỏi	
497	20000056	Trịnh Gia	Bảo	Nam	26/07/2004	20T4-TKĐ1	7,38			Khá	
498	20000645	Nguyễn Võ Hoàng	Huy	Nam	04/03/2003	20T4-TKĐ1	7,26			Khá	
499	20000470	Phạm Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	14/05/2005	20T4-TKĐ1	7,63			Khá	
500	20000360	Trương Bảo	Nhi	Nữ	11/10/2004	20T4-TKĐ1	6,98			Trung bình	
501	20000171	Phạm Ngọc Minh	Tâm	Nữ	02/08/2005	20T4-TKĐ1	8,40			Giỏi	
502	20000041	Nguyễn Đoàn Hiền	Thục	Nữ	01/03/2001	20T4-TKĐ1	8,98		TOEIC 350	Giỏi	
503	20000447	Lê Huỳnh Anh	Triều	Nam	03/04/2005	20T4-TKĐ1	6,51			Trung bình	
504	20000979	Lê Nhật Thiên	Ân	Nữ	08/09/2005	20T4-TKĐ2	8,37			Giỏi	
505	20000701	Phạm Đình	Bảo	Nam	06/02/2005	20T4-TKĐ2	7,63			Khá	
506	20001227	Nguyễn Thanh	Đạt	Nam	09/08/2004	20T4-TKĐ2	7,16			Khá	
507	20001475	Trang Anh	Khải	Nam	29/09/2003	20T4-TKĐ2	7,19			Khá	
508	20000747	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	21/06/2001	20T4-TKĐ2	8,23			Giỏi	
509	20000728	Nguyễn Thành	Liêm	Nam	16/04/2005	20T4-TKĐ2	7,29			Khá	
510	20001296	Lâm Đức	Lợi	Nam	29/05/2004	20T4-TKĐ2	7,58			Khá	
511	20000863	Nguyễn Thành	Long	Nam	07/06/2005	20T4-TKĐ2	7,94			Khá	
512	20000902	Phạm Thị Diệu	Minh	Nữ	02/12/2005	20T4-TKĐ2	8,22			Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Xử lý ảnh với Photoshop)
513	20000730	Phạm Hoài	Nam	Nam	28/02/2005	20T4-TKĐ2	7,61			Khá	
514	20001201	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	07/01/2005	20T4-TKĐ2	7,04			Khá	
515	20000882	Lê Đại	Thuận	Nam	25/03/2005	20T4-TKĐ2	7,90			Khá	
516	20000767	Thạch Ngọc Phương	Vy	Nữ	22/12/2005	20T4-TKĐ2	7,33			Khá	
517	20000766	Thạch Ngọc Thùy	Vy	Nữ	22/12/2005	20T4-TKĐ2	7,39			Khá	
518	20001984	Nguyễn Thái Gia	Bảo	Nam	21/05/2005	20T4-TKĐ3	7,25			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
519	20001406	Bùi Nguyễn Công	Duy	Nam	30/03/2005	20T4-TKĐ3	6,16			Trung bình	
520	20001525	Đoàn Nhật	Lâm	Nam	15/09/2005	20T4-TKĐ3	6,97			Trung bình	
521	20002322	Quan Thế	Quyền	Nam	12/07/2005	20T4-TKĐ3	7,69			Khá	
522	20002550	Thân Hữu	Thịnh	Nam	06/10/2005	20T4-TKĐ3	7,57			Khá	
523	20001720	Vũ Hồng	Ân	Nam	15/04/2005	20T4-TKW1	7,06			Khá	
524	20001573	Lý Gia	Bảo	Nam	10/05/2005	20T4-TKW1	7,35			Khá	
525	20001300	Nguyễn Tuấn	Hào	Nam	28/05/2005	20T4-TKW1	6,14			Trung bình	
526	20001708	Huỳnh Trịnh Bảo	Khanh	Nam	22/02/2005	20T4-TKW1	6,15			Trung bình	
527	20002301	Bùi Phạm Phương	Lâm	Nam	22/02/2005	20T4-TKW1	7,18		TOEIC 350	Khá	
528	20001445	Trương Văn	Mạnh	Nam	06/08/2002	20T4-TKW1	7,29			Khá	
529	20002687	Trương Văn	Minh	Nam	11/11/2005	20T4-TKW1	6,58			Trung bình	
530	20002354	Trần Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	29/09/2005	20T4-TKW1	7,81			Khá	
531	20002975	Vòng Hòa	Phi	Nam	04/03/2005	20T4-TKW1	6,70		TOEIC 300	Trung bình	
532	20000279	Đinh Vỹ	Quang	Nam	20/11/2005	20T4-TKW1	6,78		TOEIC 350	Trung bình	
533	20001953	Nguyễn Trần Gia	Thái	Nam	09/02/2004	20T4-TKW1	6,92			Trung bình	
534	20001811	Nìn Chí	Thắng	Nam	29/05/2005	20T4-TKW1	6,45			Trung bình	
535	20000577	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	Nữ	15/06/2005	20T4-TKW1	7,25			Khá	
536	20003072	Nguyễn Lê Việt	Anh	Nam	18/04/2005	20T4-TMĐ1	6,33	x		Trung bình	
537	20000277	Nguyễn Bá	Hưng	Nam	09/01/2005	20T4-TMĐ1	7,92			Khá	
538	20000062	Nguyễn Tường	Nghi	Nữ	17/08/2005	20T4-TMĐ1	6,80			Trung bình	
539	20000851	Nguyễn Bá	Phát	Nam	07/01/2005	20T4-TMĐ1	6,67			Trung bình	
540	20003132	Vòng Hỷ Phú	Thuận	Nam	03/01/2004	20T4-TMĐ1	7,08			Khá	
541	20001449	Nguyễn Huỳnh Minh	Đăng	Nam	08/12/2005	20T4-VSL1	7,38			Khá	
542	20003106	Đoàn Tiến	Đạt	Nam	12/06/2005	20T4-VSL1	6,21			Trung bình	
543	20001517	Triệu Trần Hoàng	Huế	Nam	07/11/2005	20T4-VSL1	7,48			Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC tích lũy	Có chứng chỉ		Xếp loại TN	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2		
544	20002609	Hoàng Gia	Huy	Nam	11/05/2005	20T4-VSL1	6,99	x		Trung bình	
545	20002103	Nguyễn Xuân	Kiên	Nam	05/09/2005	20T4-VSL1	6,50			Trung bình	
546	20002329	Đỗ Lê Duy	Mạnh	Nam	19/04/2005	20T4-VSL1	7,08	x		Khá	
547	20002188	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	22/07/2005	20T4-VSL1	7,93	x		Khá	
548	20002043	Nguyễn Lập	Phước	Nam	07/06/2005	20T4-VSL1	6,43	x		Trung bình	
549	20001010	Lê Hữu Minh	Tâm	Nam	27/09/2005	20T4-VSL1	6,17			Trung bình	
550	20000198	Lê Công Hoàng	Tấn	Nam	12/01/2005	20T4-VSL1	6,19			Trung bình	
551	20001307	Vũ Đức	Thiện	Nam	14/07/2004	20T4-VSL1	6,64			Trung bình	
552	20002093	Hoàng Trần	Thuận	Nam	27/09/2005	20T4-VSL1	7,37	x		Khá	
553	20002422	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	12/06/2005	20T4-VSL1	6,51	x		Trung bình	
554	20000046	Nguyễn Tất Quang	Trường	Nam	27/10/2005	20T4-VSL1	7,24	x		Khá	
555	20001854	Trương Minh	Tú	Nam	12/05/2005	20T4-VSL1	6,93			Trung bình	

Tổng cộng danh sách có 555 sinh viên.

* Loại XUẤT SẮC : 04 SV # 0,72 %
 * Loại GIỎI : 47 SV # 8,47 %
 * Loại KHÁ : 254 SV # 45,77 %
 * Loại TRUNG BÌNH : 250 SV # 45,04 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn/Ngoại ngữ 2 : 125
 Đã có CC Tin học : 128 (không tính SV thuộc khoa CNTT)



